

## BIODIVERSITY OF MEDICINAL PLANT RESOURCES OF DAO ETHNIC AT DUONG HONG COMMUNE, BAC ME DISTRICT, HA GIANG PROVINCE

Le Thi Thanh Huong\*, Hoang Mui Dau

TNU - University of Sciences

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p><b>Received:</b> 05/5/2021</p> <p><b>Revised:</b> 21/5/2021</p> <p><b>Published:</b> 08/6/2021</p>	<p>In order to contribute to enriching the understanding of medicinal plants and the experience of using medicinal plants of the ethnic minority communities, we investigated the biodiversity and the experience of using medicinal plants of Dao people lives in Duong Hong commune, Bac Me district, Ha Giang province. Results obtained 89 species of medicinal plants belonging to 76 genera, 44 families of 2 higher vascular plants. In which, the most used form of medicinal plants by the Dao ethnic group is herbaceous plant with 25 species. The main habitat of medicinal plants in the study area is in the forest with 47 species. The Dao ethnic people often use the whole tree to make medicine with 42 species. In particular, this study indicates that there are two rare species that need to be preserved according to the Vietnam Red Book (the Plant section), <i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson belongs to the Polygonaceae and <i>Tacca subflabellata</i> P. P. Ling &amp; C. T. Ting belongs to the Taccaceae family. The unique experience in using medicinal plants of the Dao is reflected in the naming of medicinal plants. This study shows that the Dao ethnic group study area has rich experience in using medicinal plants in disease treatment.</p>
<p><b>KEYWORDS</b></p> <p>Medicinal plants</p> <p>Dao ethnic</p> <p>Duong Hong</p> <p>Bac Me</p> <p>Ha Giang</p>	

## ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC DAO Ở XÃ ĐƯỜNG HỒNG, HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

Lê Thị Thanh Hương\*, Hoàng Mùi Dấu

Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<p><b>Ngày nhận bài:</b> 05/5/2021</p> <p><b>Ngày hoàn thiện:</b> 21/5/2021</p> <p><b>Ngày đăng:</b> 08/6/2021</p>	<p>Để góp phần làm phong phú thêm sự hiểu biết về cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng các dân tộc thiểu số, chúng tôi đã tiến hành điều tra cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Dao ở xã Đường Hồng, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang. Kết quả thu được 89 loài cây thuốc thuộc 76 chi, 44 họ của 2 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó, dạng cây thuốc được người Dao sử dụng nhiều nhất là dạng cây thảo với 25 loài. Nơi sống chủ yếu của cây thuốc ở khu vực nghiên cứu là ở rừng với 47 loài. Người Dao nơi đây thường dùng cả cây để làm thuốc chữa bệnh với 42 loài. Đặc biệt, nghiên cứu này chỉ ra rằng có 2 loài quý hiếm cần được bảo tồn theo Sách đỏ Việt Nam (phần Thực vật) ở khu vực nghiên cứu là Hà thủ ô đỏ - <i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson thuộc họ Polygonaceae và Phá lùa - <i>Tacca subflabellata</i> P. P. Ling &amp; C. T. Ting thuộc họ Taccaceae. Sự đặc sắc trong kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của người Dao được thể hiện qua cách đặt tên cho các cây thuốc. Nghiên cứu này cho thấy, người Dao tại khu vực nghiên cứu có sự phong phú trong kinh nghiệm sử dụng cây thuốc trong điều trị bệnh.</p>
<p><b>TỪ KHÓA</b></p> <p>Cây thuốc</p> <p>Dân tộc Dao</p> <p>Đường Hồng</p> <p>Bắc Mê</p> <p>Hà Giang</p>	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4457>

\* Corresponding author. Email: [huonglth@tnu.edu.vn](mailto:huonglth@tnu.edu.vn)

## 1. Giới thiệu

Dân tộc Dao là một trong số 54 dân tộc ở Việt Nam, cư trú chủ yếu tại các bản làng miền núi cao phía Bắc Việt Nam. Người Dao còn có các tên gọi khác như Đông, Trại, Dìu Miên, Kim Miên, ... Người Dao có số dân đứng hàng thứ 9 trong số 54 dân tộc ở Việt Nam, với gần 1 triệu người; ở Hà Giang có 109.708 người Dao chiếm 15,1% dân số toàn tỉnh [1]. Người Dao từ xa xưa đã có những bài thuốc cổ truyền để chữa những bệnh thông thường và cả những bệnh nan y. Tùy vào từng bệnh mà theo kinh nghiệm của người Dao sẽ sử dụng một vài loại lá, rễ, thân hoặc vỏ để chữa bệnh. Người Dao có những bài thuốc bí truyền có hiệu quả cao trong điều trị bệnh. Trong các công bố trước đây, chúng tôi đã đề cập đến tri thức bản địa trong việc sử dụng cây thuốc chữa bệnh của người Dao ở tỉnh Thái Nguyên [2]-[4]. Các nghiên cứu và bảo tồn nguồn tài nguyên cây thuốc của dân tộc thiểu số nhằm khai thác, phát triển các thuốc mới từ thảo dược cũng được nhiều quốc gia quan tâm. Tại Trung Quốc, nhiều nhóm nghiên cứu khác nhau đã nghiên cứu về cách thức sử dụng cây thuốc cũng như phương thức bảo tồn nguồn tài nguyên dược liệu trong các bài thuốc của dân tộc Yi sống tại Tứ Xuyên [5], hay đa dạng các cây thuốc bài thuốc của các dân tộc khác nhau như Yi, Hani, Bai, Dai, Zhuang, Miao, Hui sống tại Vân Nam, Trung Quốc [6]. Tương tự như vậy, nghiên cứu và bảo tồn dược liệu truyền thống theo kinh nghiệm của người dân tộc thiểu số sống trên các vùng núi cao ở các quốc gia như Nepal, Ấn Độ, Myanma, Bangladesh và Pakistan cũng được đề cập nhiều trong các công bố khác nhau [7], [8]. Điều này cho thấy, việc khai thác tri thức bản địa của người dân tộc thiểu số để phục vụ cho sự phát triển các thuốc mới đang được quan tâm, chú trọng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiếp tục điều tra nguồn tài nguyên cây thuốc cũng như kinh nghiệm trong việc sử dụng cây thuốc để bảo vệ sức khỏe của đồng bào dân tộc Dao ở xã Đường Hồng, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp kế thừa

Kế thừa những kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của các ông lang, bà mẹ người dân tộc Dao và các công trình nghiên cứu khoa học về cây thuốc có chọn lọc và phê phán.

### 2.2. Phương pháp điều tra phỏng vấn

Phỏng vấn người dân, đặc biệt là các ông lang, bà mẹ người dân tộc Dao về những kinh nghiệm sử dụng các loài cây làm thuốc và các bài thuốc gia truyền theo các tiêu chí trong phiếu điều tra cây thuốc trong cộng đồng và phiếu điều tra bài thuốc dân gian (Viện Dược liệu, Bộ Y tế).

### 2.3. Phương pháp thu thập và xử lý mẫu vật

Thu mẫu cây thuốc theo sự chỉ dẫn của các thầy thuốc bản địa người Dao tại xã Đường Hồng. Xử lý mẫu thu được và xác định tên khoa học của 89 mẫu tại phòng thí nghiệm khoa Công nghệ Sinh học, trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.

### 2.4. Phương pháp phân tích và phân loại mẫu

Phân loại mẫu dựa trên phương pháp hình thái truyền thống, kết hợp với kinh nghiệm của các chuyên gia và các bộ Thực vật chí chuyên ngành như: Cây cỏ Việt Nam - Phạm Hoàng Hộ (1999-2000) [9]; Từ điển cây thuốc - Võ Văn Chi (2012) [10]; Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam - Đỗ Tất Lợi (2005) [11]; Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập I, II - Viện Dược liệu [12]; Danh lục các loài thực vật Việt Nam (2001-2005) [13].

### 2.5. Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn gen cây thuốc

Đánh giá đa dạng về tài nguyên cây thuốc dựa trên phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn 2007 [14].

## 2.6. Phương pháp đánh giá mức độ nguy cấp

Đánh giá mức độ nguy cấp của cây thuốc theo Sách đỏ Việt Nam, phần thực vật (2007) [15], theo Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam trong Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam (Nguyễn Tập, 2007) [16].

## 3. Kết quả và bàn luận

### 3.1. Đa dạng các bậc taxon của nguồn tài nguyên cây thuốc

**Bảng 1.** Số loài cây thuốc đã phát hiện ở khu vực nghiên cứu

TT	Ngành thực vật	Số họ	Số chi	Số loài
1	Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	1	1	1
	Ngành Mộc lan (Magnoliophyta)	43	75	88
2	Lớp Hai lá mầm (Dicotyledoneae)	37	68	76
	Lớp Một lá mầm (Monocotyledoneae)	6	7	12
<b>Tổng số</b>		<b>44</b>	<b>76</b>	<b>89</b>

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành điều tra kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Dao tại xã Đường Hồng, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, kết quả được ghi nhận ở bảng 1.

Tại khu vực nghiên cứu thu được 89 loài cây thuốc thuộc 76 chi, 44 họ của 2 ngành thực vật bậc cao có mạch. Kết quả này chứng tỏ tại khu vực nghiên cứu có sự đa dạng về số loài, số chi và số họ cây thuốc so với ghi nhận của nhóm tác giả Viện Dược liệu về kết quả điều tra nguồn tài nguyên cây thuốc của tỉnh Hà Giang có 1.565 loài thuộc 824 chi, 202 họ và 6 ngành, 2 giới Thực vật và Nấm có công dụng làm thuốc [17].

Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) thu thập được 1 loài có công dụng làm thuốc là Dây gắm lá rộng (*Gnetum latifolium* Blume) dùng làm thuốc giải độc, chữa sốt, chiếm 1,12% tổng số loài.

Ngành Mộc lan (Magnoliophyta) hay còn gọi là ngành Hạt kín (Angiospermae) đã phát hiện được 88 loài (chiếm 98,88% tổng số loài), thuộc 75 chi (chiếm 98,68% tổng số chi) và 43 họ (chiếm 97,73% tổng số họ). Trong số 43 họ thực vật làm thuốc theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Dao ở xã Đường Hồng, một số họ có nhiều loài cây thuốc như: họ Cà phê (Rubiaceae) có 7 loài, phổ biến như: các loài Câu đặng (*Uncaria* spp.), Dạ cẩm (*Hedyotis* spp.),... Họ Cúc (Asteraceae) có 6 loài như Hy thiêm (*Siegesbeckia orientalis*), Ngải cứu đại (*Artemisia indica*),... Còn lại là các họ có từ 1 đến 5 loài có công dụng làm thuốc. Và trong số 75 chi làm thuốc tại khu vực nghiên cứu có chi *Ardisia* (Myrsinaceae) có 4 loài; chi *Polygonum* (Polygonaceae) có 3 loài; chi *Taxillus* (Loranthaceae) có 3 loài; chi *Cinnamomum* (Lauraceae) có 3 loài; chi *Alpinia* (Zingiberaceae) có 3 loài và các chi còn lại có 1-2 loài cây thuốc.

### 3.2. Đa dạng về dạng sống của thực vật làm thuốc

Trong quá trình điều tra, chúng tôi đã thu thập được 89 loài cây thuốc với sự phong phú về các kiểu dạng sống khác nhau. Để thuận lợi cho quá trình điều tra, chúng tôi đã phân loại dạng sống của các cây thuốc theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn [14] như sau:

Me: Gỗ trung bình (8 m – 25 m)

Mi: Gỗ nhỏ (2 m – 8 m)

Na: Bụi, nửa bụi, dây hóa gỗ cao tới đa 2 m

Th: Thân thảo (cỏ)

Lp: Dây leo

Pp: Kí sinh, bán kí sinh

Bảng 2 thống kê số lượng các dạng sống của cây thuốc được các ông lang, bà mẹ người dân tộc Dao ở xã Đường Hồng, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang sử dụng làm thuốc chữa bệnh.

**Bảng 2.** Sự đa dạng về dạng sống của các loài cây thuốc ở khu vực nghiên cứu

Dạng sống	Thân thảo (Th)	Gỗ nhỏ (Mi)	Dây leo (Lp)	Cây bụi (Na)	Cây kí sinh (Pp)	Gỗ trung bình (Me)
Số lượng loài	25	18	18	15	8	5
Tỷ lệ (%)	28,09	20,22	20,22	16,85	8,99	5,63

Số liệu ở bảng 2 cho thấy, phần lớn các cây thuốc được người Dao sử dụng là dạng cây thân thảo (Th) với 25/89 loài, chiếm 28,09% so với tổng số loài cây thu được và tập trung chủ yếu ở họ Cúc (Asteraceae), họ Gừng (Zingiberaceae), họ Ráy (Araceae). Thứ 2 là dạng cây gỗ nhỏ (Mi) và dây leo (Lp) cũng được người Dao sử dụng nhiều với 18/89 loài, chiếm 20,22% so với tổng các loài cây thu được và tập trung chủ yếu trong họ Cà phê (Rubiaceae), họ Cam (Rutaceae), họ Nho (Vitaceae). Xếp vị trí thứ 3 với 15 loài, chiếm 16,85% là dạng cây bụi (Na) tập trung chủ yếu thuộc họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae). Dạng kí sinh (Pp) tập trung chủ yếu các cây thuốc họ Tầm gửi (Loranthaceae) dùng để chữa các loại bệnh về u. Tiếp đến là dạng gỗ trung bình (Me) với 5 loài, chiếm 5,63% so với tổng số loài cây thuốc thu được, thuộc họ Dâu tằm (Moraceae), họ Sô (Dilleniaceae) được dùng để chữa các bệnh liên quan đến cảm cúm và một số bệnh về mắt.

### 3.3. Đa dạng về môi trường sống của thực vật làm thuốc

Để phục vụ cho công tác bảo tồn các loài cây thuốc ở khu vực nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành đánh giá sự đa dạng về môi trường sống của các loài cây thuốc. Việc phân chia các loại môi trường sống được căn cứ vào địa hình, đất đai, khí hậu, nơi mà cây thuốc đó phát triển. Có các dạng môi trường sau:

Sống ở đồi (Đ): Cây sống ở đồi, đồi hoang, trảng bụi, chân đồi.

Sống ở vườn (Vu): Cây sống ở vườn, bờ ao, quanh làng bản.

Sống ở rừng (R): Cây sống ở rừng rậm, rừng thứ sinh, ven rừng.

Sống ở ven suối (Vs): Cây sống ở gần nơi nước chảy, ven khe suối, sông, nơi ẩm ướt.

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, môi trường sống của các loài cây thuốc ở khu vực nghiên cứu được phân bố chủ yếu ở rừng rậm, rừng thứ sinh, ven rừng chiếm đến 52,81%. Đây là khu vực có diện tích rừng che phủ cao nên có nhiều loại dược liệu quý hiếm được đồng bào dân tộc Dao sử dụng để chữa bệnh như loài Phá lủ (Tacca subflabellata), Hà thủ ô đỏ (Fallopia multiflora), Đơn châu chấu (Aralia armata),... Tiếp đến là môi trường sống ở đồi với 24 loài chiếm 26,97% tổng số loài thu được, các cây thuốc mọc ở đồi được các ông lang, bà mẹ sử dụng cũng khá nhiều như: cây Mía dò (Costus speciosus) chữa mỗi người, cảm cúm; Nhân trần (Adenosma caeruleum) dùng để chữa bệnh gan. Những loài cây thuốc phân bố ở ven suối chiếm 12,36% như loài Dây gân bông hẹp (Gouania leptostachya) dùng để chữa bầm tím chân tay do ngã hoặc chữa bệnh về xương khớp; loài Chia vôi (Cissus triloba) dùng để chữa thoát vị đĩa đệm, chữa bệnh ngoài da và tiểu ít. Số lượng cây thuốc phân bố ở vườn, quanh làng chỉ có 7 loài chiếm 7,86% như loài Thảo quyết minh (Senna tora), Cỏ cứt lợn (Ageratum conyzoides),...

**Bảng 3.** Sự phân bố cây thuốc theo môi trường sống ở khu vực nghiên cứu

TT	Môi trường sống	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Sống ở rừng (R)	47	52,81
2	Sống ở đồi (Đ)	24	26,97
3	Sống ở ven suối (Vs)	11	12,36
4	Sống ở vườn (V)	7	7,86

### 3.4. Vấn đề sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc Dao ở khu vực nghiên cứu

#### 3.4.1. Đa dạng về bộ phận làm thuốc

Các bộ phận của cây thuốc có sự khác biệt về thành phần hóa học cũng như hàm lượng hoạt chất, do đó có sự khác biệt trong việc sử dụng các bộ phận khác nhau để chữa bệnh khác nhau. Mỗi bộ phận sử dụng đều mang lại hiệu quả nhất định trong việc chữa bệnh. Theo kinh nghiệm của các ông lang, bà mẹ người dân tộc Dao tại xã Đường Hồng, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang thì sự đa dạng của các bộ phận sử dụng làm thuốc được thể hiện ở bảng 4. Trong số 89 loài cây thuốc thu thập được, bộ phận được sử dụng nhiều nhất là cả cây với số lượng 42 loài chiếm 47,19%. Trong các bài thuốc của dân tộc Dao nơi đây, việc sử dụng cả cây để chữa bệnh là rất phổ biến, hầu hết là các bài thuốc chữa bệnh về xương khớp, cảm cúm, phong hàn, ... Sử dụng lá cây để chữa bệnh có 19 loài chiếm 21,35% so với tổng số loài. Tiếp theo là các cây thuốc sử dụng bộ phận rễ và thân với 13 loài (chiếm 14,61%) và 11 loài (chiếm 12,36%). Các bộ phận còn lại như vỏ và nhựa được sử dụng làm thuốc với tỷ lệ thấp lần lượt là: 3,37% và 1,12%. Đồng thời, theo kinh nghiệm của ông lang, bà mẹ nơi đây, ngoài việc sử dụng các bộ phận làm thuốc thì cần chú ý tới thời gian thu hái từng bộ phận để hiệu quả chữa bệnh cao nhất.

**Bảng 4.** Sự đa dạng của các bộ phận sử dụng làm thuốc

TT	Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Cả cây	42	47,19
2	Lá	19	21,35
3	Rễ	13	14,61
4	Thân	11	12,36
5	Vỏ	3	3,37
6	Nhựa	1	1,12

### 3.4.2. Đa dạng trong kinh nghiệm sử dụng cây thuốc

Trong quá trình điều tra, thu thập thông tin, chúng tôi thấy kinh nghiệm sử dụng các loài cây cỏ làm thuốc chữa bệnh của người Dao nơi đây rất đặc sắc. Đặc biệt trong ngôn ngữ của người Dao địa phương, hầu hết cây thuốc đều được gắn từ “địa” có nghĩa là “thuốc” như: Cai canh đĩa (Bạc thau tím - *Argyria nervosa*), Chân đĩa gyu (Bìm lông - *Ipomea eriocarpa*), Thụt phim đĩa (Thanh phong hoa nhỏ - *Sabia parviflora*), ... Hoặc trong cách gọi tên cây thuốc của người Dao mang ý nghĩa giải thích cho tác dụng của cây như: Điang gián ọ (Đại bi - *Blumea balsamifera*) là cây chữa tan máu (“Điang” là cây, “gián” là tan, “ọ” là trắng). Từ “mia” có nghĩa là cỏ, chỉ những cây thuốc thân thảo (cỏ) như: Chiệp tam mia - (Mật đất - *Picria fel-terrae*), “chiệp” ý chỉ con gấu, “tam” là mật, nghĩa là cỏ mật gấu do loài cây thuốc này đắng như mật gấu dùng để giải nhiệt cơ thể khi làm việc quá sức, mệt mỏi, nước tiểu vàng, ...

Người dân tộc Dao còn gọi cây theo tên của bệnh như: Vía ghinh huây (An điền tai - *Hedyotis auricularia*), “huây” là dây leo, “vía” là nước tiểu, “ghinh” là buốt, rát; Vía ghinh huây là chữa bệnh đáí rát, đáí buốt. Phà hạ mia (Chia vôi - *Cissus triloba*), “phà hạ” là đờm, dùng để chữa ho, viêm họng. Cháo búng náo (Bùi ba hoa - *Ilex triflora*), “cháo” là chân, “búng” là xương, “náo” là gãy, loài cây này dùng để chữa bệnh gãy xương chân. Diu gọi mia (Tô liên cùng màu - *Torenia concolor*), “diu gọi” có nghĩa là hở tim, loài cây thuốc này được sử dụng để chữa bệnh về tim. Sia mùn nám đĩa (Bạc thau - *Argyreia acuta*), “sia mùn nám” là đau bụng do bị lạnh, thường gặp ở phụ nữ sau sinh, được sử dụng để tắm. Ngoài ra, một số loài cây chữa cảm, người mệt mỏi, khó thở, nóng trong người, có tên gọi chung là Vườm xa, “vườm” có nghĩa là nước, khi bị mưa ướt, người lạnh bị cảm thì người Dao nơi đây gọi là vườm xa và tìm hái các loại cây này về để xông hơi, đun nước tắm, đun nước uống.

Các loài cây trong tên gọi có từ “sanh” là chỉ các cây sống nhờ trên cây khác và được gọi chung là “Điang sanh”. Việc sử dụng các cây “Điang sanh” phụ thuộc vào cây chủ mà cây này sống nhờ, ví dụ như: Điang sanh (Tầm gửi sét - *Taxillus ferrugineus*) sống nhờ trên cây Điang tòn sộp dùng để chữa sỏi thận, Điang sanh (*Taxillus sp.*) mọc trên cây Mua dùng để chữa về bệnh thần kinh, Điang sanh (Tầm gửi - *Taxillus chinensis*) mọc ở cây Điang ton phình dùng để chữa u. Người Dao còn gọi tên cây thuốc theo tên cơn trùng gây bệnh cho người như: Cành thiu dẻ (Tứ

châu đồ - *Callicarpa rubella*), cành thù dẻ là con côn trùng gây viêm da lở loét ở người, dùng cây này để chữa cho bệnh viêm da, lở loét. Sập pang huây (Bướm bạc cam bột - *Mussaenda cambodiana*), “sập pang” là con bướm, dùng cây này để chữa viêm họng, đau họng do hít phải lớp bụi ở cánh của con bướm đêm. Cành nhỏ chia (Thạch xương bồ - *Acorus gramineus*), “cành nhỏ” là con nhện, “chia” là đen, dùng lá loài thuốc này để bôi ngoài da khi trúng độc của nhện đen, da bị sưng tấy, lở loét, viêm da,...

Dựa vào một số đặc điểm riêng biệt để nhận biết các cây có tác dụng làm thuốc thông qua cách gọi tên cây của đồng bào dân tộc Dao như: Ghim tít (Vọng cách - *Premna corymbosa*), “tít” là cái móc câu, “ghim” là gai, do cây có nhiều gai hình như móc câu nên được gọi là ghim tít, được sử dụng để chữa cảm, co giật. Địa chùn (Địa đum - *Heliciopsis lobata*), “chùn” có nghĩa là đuôi loài cây thuốc này có rễ xoắn, tên cây thuốc có ý nghĩa là đuôi bệnh ra khỏi cơ thể, được người Dao sử dụng với hầu hết các vị thuốc khác để chữa bệnh, một số thầy lang sử dụng cho phụ nữ tắm để. Tôm bèo chề (Ráy rách lá - *Rhaphidophora decursiva*), “tôm” là lớn, “bèo chề” là vẩy cá; loài cây này có lá lớn, trông như vẩy cá, được sử dụng để đắp vết thương, tan máu, tan vết bầm tím. Sờ kính lẫu (Bướm bạc lông - *Mussaenda pubescens*), “sờ kính” là lập lánh, là cây có lá hoa (lá bắc) màu trắng lấp lánh nên các ông lang, bà mẹ rất dễ tìm, loài cây này được sử dụng để chữa tiểu đái. Cành cu đòi (Gối hạc bằng - *Leea indica*), “đòi” nghĩa là củ, cây này sử dụng củ để chữa nóng trong người, cảm phong hàn, người mệt mỏi, đắng miệng. Ngoài ra, theo các ông lang, bà mẹ người dân tộc Dao nơi đây, những cây có màu đỏ thì có được tính chữa bệnh càng tốt, những cây có nhựa màu đỏ thì uống sẽ rất bổ máu, phục hồi sức khỏe tốt, những cây màu đỏ thì trong tên gọi có từ “si” có nghĩa là đỏ, ví dụ như: Phàn khá si, “phàn khá” có nghĩa là phục hồi lại sức khỏe, loài cây này có rất nhiều nhựa, nhựa màu đỏ, uống bổ máu, dùng cho người thiếu máu hoặc phục hồi sau ốm dậy. Điang gián si (Thanh phong hoa nhỏ - *Sabia parviflora*), “gián” là tan, điang gián si vừa là cây thuốc bổ vừa là cây được sử dụng kết hợp ở nhiều bài thuốc khác nhau của người Dao.

### 3.5. Những cây thuốc quý thuộc diện cần bảo tồn

Theo Sách đỏ Việt Nam – Phần Thực vật và Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam trong Cẩm nang Cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam của Nguyễn Tập (2007), ở khu vực nghiên cứu có 2 loài cây thuốc thuộc diện cần bảo vệ (bảng 5).

**Bảng 5.** Danh lục cây thuốc quý cần được bảo vệ

TT	Tên Việt Nam - Tên khoa học	Thuộc họ	Tình trạng	
			SĐVN 2007	DLĐCT 2007
1.	Hà thù ô đồ - <i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson	Polygonaceae	VU	EN
2.	Phá lủa - <i>Tacca subflabellata</i> P. P. Ling & C. T. Ting	Taccaceae	VU	VU

## 4. Kết luận

Đã thu được 89 loài thực vật bậc cao có mạch: ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 1 loài thuộc 1 chi và 1 họ, ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có 88 loài thuộc 74 chi và 43 họ có công dụng làm thuốc. Dạng cây thuốc được người Dao sử dụng nhiều nhất là dạng cây thảo (Th) với 25 loài, cây gỗ nhỏ (Mi) với 18 loài, cây leo (Lp) có 18 loài, cây bụi (Na) 15 loài, cây kí sinh và bán kí sinh (Pp) có 8 loài, cây gỗ trung bình (Me) có 5 loài. Nơi sống của cây thuốc chủ yếu là ở rừng với 47 loài, ở đồi 24 loài, ở ven suối 11 và ở vườn là 7 loài. Sử dụng các bộ phận để làm thuốc bao gồm: cả cây có 42 loài, lá có 19 loài, rễ có 13 loài, thân có 11 loài, vỏ có 3 loài, nhựa có 1 loài. Số lượng cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn có 2 loài, chiếm 2,25% tổng số loài cây thuốc thu được.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Ha Giang Statistical Office, *Ha Giang Statistical Yearbook 2015*. Publishing House Statistics, Ha Giang, 2015.

- [2] T. T. H. Le and T. N. Duong, "Research on medicinal plant resource diversity of Dao ethnic minority, Hop Tien commune, Dong Hy district, Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 82, no. 6, pp. 91-95, 2011.
- [3] T. T. H. Le, T. N. Duong, and N. T. Nguyen, "Investigation of experience in using medicinal plants of Dao ethnic minority, Hop Tien commune, Dong Hy district, Thai Nguyen province," *Pharmaceutical Journal - Institute of Medicinal Materials*, vol. 16, no. 3, pp. 145-150, 2011.
- [4] T. T. H. Le, T. N. C. Duong, T. L. H. Pham, T. T. Hoang, T. T. Nguyen, and N. T. Nguyen, "Investigation of bath remedies of Dao ethnic people in Thai Nguyen province," *Pharmaceutical Journal Materials - Institute of Medicinal Materials*, vol. 18, no. 3, pp. 127-132, 2013.
- [5] J. Wang, B. C. Seyler, T. Ticktin, Y. Zeng, and K. Ayu, "An ethnobotanical survey of wild edible plants used by the Yi people of Liangshan Prefecture, Sichuan Province, China," *J Ethnobiology Ethnomedicine*, vol. 16, no. 1, p. 10, Dec. 2020, doi: 10.1186/s13002-019-0349-5.
- [6] L. Gao, N. Wei, G. Yang, Z. Zhang, G. Liu, and C. Cai, "Ethnomedicine study on traditional medicinal plants in the Wuliang Mountains of Jingdong, Yunnan, China," *J Ethnobiology Ethnomedicine*, vol. 15, no. 1, p. 41, Dec. 2019, doi: 10.1186/s13002-019-0316-1.
- [7] G. Ambu, R. P. Chaudhary, M. Mariotti, and L. Cornara, "Traditional Uses of Medicinal Plants by Ethnic People in the Kavrepalanchok District, Central Nepal," *Plants*, vol. 9, no. 6, p. 759, Jun. 2020, doi: 10.3390/plants9060759.
- [8] M. A. Aziz, A. H. Khan, M. Adnan, and H. Ullah, "Traditional uses of medicinal plants used by Indigenous communities for veterinary practices at Bajaur Agency, Pakistan," *J Ethnobiology Ethnomedicine*, vol. 14, no. 1, p. 11, Dec. 2018, doi: 10.1186/s13002-018-0212-0.
- [9] H. H. Pham, *Vietnamese plants*. Young Publishing House, Ho Chi Minh city, 2000.
- [10] V. C. Vo, *Dictionary of Vietnamese medical plants*. Medical Publishing House, 2012.
- [11] T. L. Do, *Vietnamese medicinal plants*. Medical Publishing House, 2005.
- [12] H. B. Do, X. C. Bui, T. D. Nguyen, T. D. Do, V. H. Pham, N. L. Vu, D. M. Pham, K. M. Pham, T. N. Doan, T. Nguyen, and T. Tran, *Medicinal plants and medicinal animals in Vietnam, volume I, II*. Hanoi Science and Technology Publishing House, 2003.
- [13] Center for Natural Resources and Environment Research - Hanoi National University, Institute of Ecology and Biological Resources - National Center for Natural Science and Technology, *List of plant species in Vietnam, volume I, II, III*. Hanoi Agricultural Publishing House, 2001-2005.
- [14] N. T. Nguyen, *Research Methods in Plant Sciences*. Hanoi National University Publishing House, 2007.
- [15] Institute of Science and Technology, *Vietnam Red Book, Plant section*. Publisher Natural Science and Technology, 2007.
- [16] T. Nguyen, *Handbook of Medicinal Plants that need protection in Vietnam*. Institute of Medicinal Materials, 2007.
- [17] T. H. Pham, Q. N. Nguyen, V. T. Phan, V. T. Hoang, X. N. Nguyen, V. D. Nguyen, and T. N. Pham, "Survey results of medicinal plant resources of Ha Giang province," *Journal of Science - Hanoi National University: Medical Science*, vol. 32, no. 2, pp. 73-81, 2016.